

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14 /2018/DS-ST

Ngày: 26 -7 -2018

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Xuân Lợi

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà:
Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-TCDS ngày 14 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng C; địa chỉ: tòa nhà C, khu B, phường H, quận H, thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc Ngân hàng C

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng P - Phó Giám đốc Phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình; địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Theo Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015)

2. *Bị đơn*: Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: thôn K, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

3. *Người làm chứng*: Bà Cao Thị N; địa chỉ: thôn K, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Hồng P có mặt, chị Hoàng Thị N và bà Cao Thị N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng C trình bày: Ngày 23/7/2014 chị Hoàng Thị N đã vay tại Ngân hàng C huyện Q số tiền 30.000.000 đồng theo chương trình cho vay Hộ nghèo, lãi suất 0,6%/tháng, theo khế ước nhận nợ số 6000003000013145, thời hạn trả nợ ngày 10/7/2017.

Ngày 5/7/2017 chị N đề nghị gia hạn nợ lần 1 được Ngân hàng phê duyệt gia hạn nợ 4 tháng từ ngày 10/7/2017 đến ngày 10/01/2018. Ngày 10/9/2017 chị N đề nghị gia hạn nợ lần 2 được Ngân hàng phê duyệt gia hạn nợ 6 tháng, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 10/01/2018. Khi hết hạn trả nợ, chị N vẫn không thực hiện nghĩa vụ nên Ngân hàng C đã chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 17/01/2018. Ngày 07/4/2018, chị Hoàng Thị N đã thực hiện việc thanh toán một phần nghĩa vụ cho Ngân hàng số tiền 12.500.000 đồng

Để thu hồi vốn cho Nhà nước, đại diện cho Ngân hàng C đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Hoàng Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 20.264.625 đồng, trong đó nợ gốc 17.500.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2018) là: 2.764.625 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 2.508.680 đồng và lãi quá hạn: 255.945 đồng) và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

- *Tại bản tự khai ngày 03/4/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị N trình bày*: Năm 2014 chị Hoàng Thị N có vay tiền tại Ngân hàng C huyện Q số tiền 30.000.000 đồng theo chương trình cho vay Hộ nghèo, lãi suất 0,6%/tháng. Sau khi nhận tiền chị N đã đưa cho bà Cao Thị N. Chị N thừa nhận chị đã ký vào sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, giấy đề nghị gia hạn nợ. Hiện nay chị N cũng không biết bà N đi đâu, làm gì. Đến ngày 07/4/2018 chị N đã thanh toán cho Ngân hàng C, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q số tiền 12.500.000 đồng. Do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị N chưa thể thanh toán số tiền còn lại. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa, người tiền hành tố tụng đã tuân theo pháp luật tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã chấp hành pháp luật nhưng tại phiên tòa sơ thẩm chị Hoàng Thị N và bà Cao Thị N mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị N và bà N là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Q không có kiến nghị đối với vụ án này.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Hoàng Thị N phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (26/7/2018) tổng cộng số tiền là 20.264.625 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 17.500.000 đồng, tiền nợ lãi là 2.764.625 đồng; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn chị Hoàng Thị N có nơi cư trú tại thôn K, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Giữa Ngân hàng C huyện Q với chị Hoàng Thị N đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích sinh hoạt, tiêu dùng, do chị Hoàng Thị N vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện chị N tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhưng chị Hoàng Thị N và bà Cao Thị N vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị N và người làm chứng bà Cao Thị N.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Giữa Ngân hàng C huyện Q với chị Hoàng Thị N đã giao kết Hợp đồng tín dụng vào ngày 23/7/2014 chị Hoàng Thị N đã vay tại Ngân hàng C, Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q số tiền 30.000.000 đồng theo chương trình cho vay Hộ nghèo, lãi suất 0,6%/tháng, theo khế ước nhận nợ số 6000003000013145, thời hạn trả nợ ngày 10/7/2017. Trên cơ sở Hợp đồng ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho chị N vay như thỏa thuận. Như vậy, Hợp đồng tín dụng giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành.

Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và phía bị đơn thừa nhận, thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay chị Hoàng Thị N chỉ mới thanh toán được một khoản tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán nên Ngân hàng đã chuyển thành nợ quá hạn và tính lãi trong hạn và quá hạn với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết. Bảng tính lãi trong hạn và lãi quá hạn do Ngân hàng cung cấp đã tính đúng số ngày, mức lãi suất áp dụng trong hợp đồng tín dụng.

Xét đề nghị của chị Hoàng Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì sau khi nhận tiền từ Ngân hàng chị N đã đưa cho bà Cao Thị N số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng C với chị Hoàng Thị N đã giao kết Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng hợp pháp nên phát sinh hiệu lực thi hành. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay và chị N đã cũng đã thừa nhận trực tiếp ký nhận tại “phiếu chi”, nhận tiền từ Ngân hàng, ký trong sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay và giấy đề nghị gia hạn nợ.

Đồng thời, theo địa chỉ chị N cung cấp, Tòa án đã tổng đạt, triệu tập nhiều lần đối với bà Cao Thị N nhưng bà N không có mặt tại Tòa án. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương, hiện tại bà Cao Thị N đã rời đi khỏi địa phương, không rõ tin tức, địa chỉ. Tòa án đã yêu cầu chị N cung cấp địa chỉ mới của bà N nhưng chị N không cung cấp được và không biết được bà N hiện đang làm gì và ở đâu. Do đó, việc chị N cho rằng đã đưa số tiền 30.000.000 đồng cho bà N, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Trong trường hợp chị Hoàng Thị N có vay tiền từ Ngân hàng rồi cho bà Cao Thị N vay lại thì chị N có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bằng một vụ án khác theo quy định, thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc chị Hoàng Thị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C huyện Q số tiền nợ 20.264.625 đồng, trong đó nợ gốc 17.500.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2018) là: 2.764.625 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 2.508.680 đồng và lãi quá hạn: 255.945 đồng).

Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/7/2018), chị Hoàng Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận vì vậy chị Hoàng Thị N phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Hoàng Thị N và người làm chứng bà Cao Thị N.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn chị Hoàng Thị N.

Buộc chị Hoàng Thị N phải trả cho Ngân hàng C số tiền 20.264.625 đồng, trong đó nợ gốc 17.500.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày

26/7/2018) là: 2.764.625 đồng (trong đó: lãi trong hạn: 2.508.680 đồng và lãi quá hạn: 255.945 đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26/7/2018), chị Hoàng Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”

2. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 1.013.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/7/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Lan Phương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Xuân Lợi Đậu Thị Phú

Nguyễn Thị Lan Phương

